

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN BÌNH THẠNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 2063/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 24/9/2024

V/v “Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THẠNH - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Dư Tuyết Lạnh

Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Hồ Thị Lang

2. Bà Bùi Thị Hòa Bình

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Mai Trâm – Thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Huyền – Kiểm sát viên

Ngày 24 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số 973/2024/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 05 năm 2024 về tranh chấp “ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 567/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 489/2024/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Tạ Thị Ngọc T

Địa chỉ: Phường M, Quận N, Thành phố H.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Trường T1

Địa chỉ: Phường A, Quận B, Thành phố H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 02 tháng 8 năm 2023 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Tạ Thị Ngọc T trình bày: bà và ông Nguyễn Trường T1 qua một thời gian tìm hiểu sau đó có đăng ký kết hôn tại UBND Phường S, quận B thời gian đầu chung sống hạnh phúc. Tuy nhiên đến năm 2022 thì bà và ông T1 xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên bất hoà, cãi vã, xảy ra mâu thuẫn không thể hàn gắn được, bản thân ông T1 thường xuyên ăn nhậu, đánh đập bà và không quan tâm, chăm sóc vợ con. Bà và ông T1 đã ly thân được khoảng hơn 01 năm.

Tình cảm bà dành cho ông T1 đã hết nên bà yêu cầu Toà án giải quyết cho bà ly hôn với ông T1.

- Về con chung: Có 01 con chung là trẻ nguyên Trường T2, sinh ngày 21/5/2014, bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục, chăm sóc con chung và không yêu cầu ông T1 cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Trường T1 đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho ông T1 nhưng ông T1 vẫn không đến Tòa án để trình bày ý kiến, vì vậy Tòa án tiến hành thủ tục đề xét xử vắng mặt ông Nguyễn Trường T1 theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Tạ Thị Ngọc T có đơn xin xét xử vắng mặt trong đơn bà vẫn giữ yêu cầu xin ly hôn; giữ yêu cầu nuôi con chung, không yêu cầu ông Nguyễn Trường T1 cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Trường T1 dù đã được tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn không đến Tòa án theo đúng quy định, nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh phát biểu:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán và Hội thẩm nhân dân đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật trong quá trình chuẩn bị xét xử cũng như tại phiên tòa. Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng các quy định của tại các điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung:

Căn cứ theo quy định tại các Điều 56, 58, 81, 82, 83, 107, 110 và 116 Luật Hôn nhân và gia đình 2014, khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Tạ Thị Ngọc T.

Về con chung: Chấp nhận yêu cầu nuôi con chung của bà T. Giao cháu Nguyễn Trường T2 sinh ngày 21 tháng 5 năm 2014 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, không yêu cầu ông T1 cấp dưỡng để nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội thì nguyên đơn phải đóng án phí. (kèm theo bài phát biểu ngày 24/9/2024).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

- Xét đơn khởi kiện của bà Tạ Thị Ngọc T thì đây là vụ án về tranh chấp ly hôn. Hiện nay, bị đơn ông Nguyễn Trường T1 đang cư trú tại quận B, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận B, Thành phố H theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về thủ tục vắng mặt: Nguyên đơn bà Tạ Thị Ngọc T có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn ông Nguyễn Trường T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, nên căn cứ Điều 227, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ theo giấy chứng nhận kết hôn số 136 ngày 15/8/2014 tại UBND Phường S, quận B, Thành phố H cấp, cùng lời khai của bà T về việc các đương sự tự nguyện kết hôn, nên đủ cơ sở xác định hôn nhân giữa bà T và ông T1 là hôn nhân hợp pháp.

Đối với yêu cầu xin ly hôn của bà T cho rằng trong quá trình chung sống hôn nhân giữa ông bà hạnh phúc được một thời gian sau đó phát sinh mâu thuẫn và không còn hạnh phúc, ông T1 còn thường xuyên ăn nhậu, đánh đập và không quan tâm chăm sóc vợ, con. Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng để mời ông T1 đến hòa giải đưa ra phương án đoàn tụ vợ chồng, thế nhưng ông T1 đã có lần nhận trực tiếp giấy triệu tập của Tòa án, biết bà T có đơn ly hôn nhưng ông vẫn không đến tham gia hòa giải cũng như không tham gia phiên Tòa, điều đó cho thấy ý chí ông T1 không muốn hòa giải đoàn tụ cùng bà T. Hội đồng xét xử thấy rằng hôn nhân chỉ đạt được mục đích trên cơ sở yêu thương, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ các công việc trong gia đình, đó cũng là quyền và nghĩa vụ của vợ chồng. Bà T và ông T1 là hôn nhân hợp pháp nhưng trong cuộc sống lại không quan tâm chia sẻ chăm sóc nhau, làm cho cuộc sống hôn nhân mâu thuẫn nghiêm trọng, đời sống chung không thể kéo dài. Trong bản tự khai bà T cũng cho rằng đã ly thân với ông T1 khoảng 01 năm và khẳng định đã hết tình cảm với ông T1. Do đó đối với yêu cầu ly hôn của bà T là có căn cứ chấp nhận.

[2.2] Về nuôi con chung: Trong quá trình chung sống bà T và ông T1 có 01 con chung là trẻ Nguyễn Trường T2, sinh ngày 21/5/2014. Căn cứ giấy khai sinh số 96 quyền

số 01/2014 ngày 13/8/2014 của UBND Phường O, Quận N, Thành phố H cấp xác định ông Nguyễn Trường T1 là cha đẻ Nguyễn Trường T2. Bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ T2 và không yêu cầu ông T1 cấp dưỡng nuôi con chung. Trong quá trình giải quyết vụ án T1 không đến Tòa án trình bày ý kiến nên căn cứ lời khai bà T để giải quyết. Bà T cho rằng hiện tại đang trực tiếp chăm sóc trẻ T2 và trẻ T2 cũng có lời khai cho rằng hiện đang sống với mẹ và mong muốn được sống cùng mẹ. Nên đối với yêu cầu của bà T là có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho ông T1 đến khi đương sự có yêu cầu khác.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Bà T khai không có và trong suốt quá trình giải quyết không có mặt của ông T1 nên Hội đồng xét xử không xét. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ án khác khi có yêu cầu.

[3] Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn) đồng bà Tạ Thị Ngọc T phải chịu (theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án).

Xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân quận B có căn cứ nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Tạ Thị Ngọc T về yêu cầu xin ly hôn với ông Nguyễn Trường T1.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Tạ Thị Ngọc T được ly hôn với ông Nguyễn Trường T1 (Giấy chứng nhận kết hôn 136 ngày 15/8/2014 tại UBND Phường S, quận B, Thành phố H cấp hết hiệu lực).

- Về con chung: Có 01 con chung là trẻ Nguyễn Trường T2, sinh ngày 21/5/2014. Giao trẻ T2 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho ông T1 cho đến khi đương sự có yêu cầu khác.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà T khai không có và trong suốt quá trình giải quyết không có mặt của ông T1 nên Hội đồng xét xử không xét. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ án khác khi có yêu cầu.

2. Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000đ (Ba trăm ngàn) đồng bà Tạ Thị Ngọc T phải chịu nhưng được cản trừ án phí ly hôn vào tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp là 300.000đ (Ba trăm ngàn) đồng theo biên lai thu tiền số 0023738 ngày 09/5/2024 của Chi cục thi hành án dân sự quận B, Thành phố H. Bà T đã thi hành xong.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án Dân sự có thẩm quyền.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND TP. HCM;
- VKSND Q. Bình Thạnh;
- Chi cục THADS Q. Bình Thạnh;
- UBND Phường 26, Q. Bình Thạnh, TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

Dur Tuyết Lạnh